

CTY TNHH MTV LÂM
NGHIỆP ĐẠ HUOAI
MST: 5800000939

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139 /BC-CTY

Đạ Huoai, ngày 16 tháng 06 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH
NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2022**

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ môi trường rừng, công ích thực hiện trong năm	Ha	6,731,99	6.450,59	95,82%
1.1	Nhà nước đặt hàng quản lý bảo vệ rừng	ha	4.184,73	3.832,13	91,57%
1.2	Diện tích tự QLBV	ha	2.547,26	2.615,05	102,66%
1.3	Giao khoán QLBV- Môi trường rừng	ha	4.184,73	3.835,54	91,66%
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Tr.đ	472	0	100%

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.
2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.
3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.
4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.
5. Quan hệ và có trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cộng đồng và người lao động trong doanh nghiệp.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



**CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP ĐẠ HUOAI
MST: 5800000939**

Số: 134 /BC-CTY

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đạ Huoai, ngày 16 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1:

Tổng doanh thu đạt vượt mức so với kế hoạch năm 2022, lợi nhuận đem lại tăng do chủ yếu đơn giá dịch vụ môi trường rừng tăng so với năm 2021. Đơn vị không có sản xuất kinh doanh các sản phẩm khác do chưa có vốn và cơ chế chính sách đầu tư.

Đơn vị thực hiện chính sách trả lương cho người quản lý doanh nghiệp và người lao động theo đúng quy định hiện hành.

- Thuận lợi: Được chính quyền địa phương phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý bảo vệ rừng không để xảy ra các điểm nóng. Các sở ngành và UBND Tỉnh Lâm đồng quan tâm tạo điều kiện xây dựng đơn giá công ích phù hợp và tăng hơn so với năm 2021. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đơn giá dịch vụ Môi trường rừng tăng so với năm 2021, tạo điều kiện thuận lợi để công ty có nguồn thu cao hơn, từ đó cũng chi mức lương và các phụ cấp cho cán bộ, người lao động tương xứng với trách nhiệm công việc được giao.

- Khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Đơn vị chưa tìm ra các giải pháp hoạt động kinh doanh phù hợp với tình hình của đơn vị, phù hợp với cơ chế chính sách của nhà nước nên doanh thu không cao.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Giá trị thực hiện 2022	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Diện tích rừng tự nhiên do nhà nước giao	ha	6,731,99	6.450,59	
b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5,460	6,042	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,050	0,069	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,040	0,055	

5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	0,112	0,128	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	15	16	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	2,200	1,966	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,023	1,034	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	1,177	1,269	

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

- Thực hiện dự án trồng rừng sau giải tỏa theo Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt dự án đầu tư – Dự án trồng rừng sau giải tỏa thuộc đề án tăng cường quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khôi phục và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030; Công ty đã thực hiện đầu tư trồng rừng năm 2022 với diện tích là 4,54 ha.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

2. Các khoản đầu tư tài chính: KHÔNG CÓ

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH

LÊ VĂN ĐỀ

Số: 151/CBTT

Đà Huoai, ngày 30 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP - NĂM 2022

(Phụ lục II – Biểu 05: Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/ND-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ)

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN:

Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 10/08/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc Bổ nhiệm Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đà Huoai nhiệm kỳ 2021-2026.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản,...

BẢNG SỐ 1: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	BB HỌP	04/01/2022	Chủ tịch HĐQT	Biên bản họp HĐQT mở rộng triển khai nhiệm vụ còn lại năm 2021 còn tồn đọng và phương án QLVR trong dịp tết
2	01/NQ-HĐTV	04/01/2022	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2022
3	02/NQ-HĐTV	05/01/2022	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết quý I/2022
4	39/KL/CTY	07/02/2022	Chủ tịch HĐQT	Kết luận của HĐQT trong việc thảo luận, góp ý nhiệm vụ KTXH năm 2022
5	78/NQ-HĐTV	07/04/2022	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết quý II/2022
6	BB họp	16/05/2022	Chủ tịch HĐQT	Biên bản họp HĐQT mở rộng quán triệt về quy định quy hoạch công tác cán bộ nhiệm kỳ 2026-2031

Thông tin về các giao dịch có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu... theo Bảng số 3.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh Lâm Đồng
- Bộ Kế hoạch và đầu tư
- Sở tài chính, KH-ĐT
- Trang web công ty
- Lưu VT, P. KT-HC



UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1904/STC-ĐT

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 9 năm 2022

V/v kế hoạch tài chính năm 2023
của Công ty TNHH MTV Lâm
nghiệp Đạ Huoai

Sưu gửi
- C.Ư.Đ.Đ.
- B.Ư.Đ., KSV
- Phòng KT - HC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

15.9.2022

Thẩm định

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015;

Trên cơ sở Kế hoạch tài chính năm 2023 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đạ Huoai tại Văn bản số 222/CV-CT ngày 15/8/2022, Sở Tài chính báo cáo và kính đề nghị UBND tỉnh cho ý kiến đối với Kế hoạch tài chính năm 2023 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đạ Huoai, cụ thể như sau:

1. Cơ sở xây dựng Kế hoạch tài chính năm 2023:

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt đơn giá đặt hàng quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Văn bản số 7291/UBND-LN ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh về việc phương pháp tính đơn giá đặt hàng; cơ chế quản lý bảo vệ rừng; cơ chế tài chính đối với diện tích rừng trong lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng tại các công ty lâm nghiệp;

- Tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kế hoạch tài chính năm 2023:

Các chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch tài chính năm 2023, cụ thể:

- Tổng doanh thu: 5.925 triệu đồng;

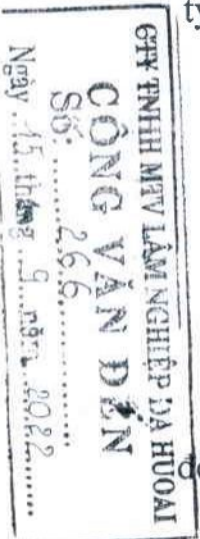
- Lãi trước thuế TNDN: 50 triệu đồng;

- Lãi sau thuế TNDN: 40 triệu đồng;

- Thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước: 70 triệu

đồng.

(Gửi kèm theo bảng chi tiết kế hoạch tài chính năm 2023).



3. Đề xuất UBND tỉnh:

Tại khoản 4 Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ; quy định: "*Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do doanh nghiệp lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để doanh nghiệp hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp*".

Trên cơ sở kết quả thẩm định kế hoạch tài chính năm 2023, Sở Tài chính thống nhất với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đạ Huoai và đề nghị UBND tỉnh cho ý kiến đối với Kế hoạch tài chính năm 2023 của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đạ Huoai tại điểm 2 nêu trên.

Kính trình UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến để doanh nghiệp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cty TNHH MTV LN Đạ Huoai;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, ĐT (Nhưng).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Bình

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐẠ HUOAI

(Kèm theo Văn bản số 1904 /STC-ĐT ngày 09/ 9/2022 của Sở Tài chính Lâm Đồng)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch 2023	So sánh UTH 2022/ KH 2022	So sánh KH 2023/ TH 2022
			Kế hoạch	Thực hiện (ước thực hiện)			
A. CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH							
I- Sản lượng							
Diện tích rừng tự nhiên do nhà nước giao		6.741,68	6.731,99	6.652,56	6.652,56	98,8%	100,0%
+ Diện tích GK trong lưu vực chi trả DVMTR đặt hàng	ha	3.973,58	3.969,12	3.832,21	3.832,21	96,6%	100,0%
+ Diện tích công ty tự quản lý từ nguồn DVMTR	ha	2.085,13	2.080,05	2.156,49	2.156,49	103,7%	100,0%
+ Diện tích công ty tự quản lý từ nguồn DVMTR (rừng trồng với hệ số K=0,9)	ha	467,03	467,21	461,64	461,64	98,8%	100,0%
+ Diện tích GK từ nguồn DVMTR giao cho hộ nhận khoán đơn vị được hưởng	ha	3.973,58	3.969,12	3.832,21	3.832,21	96,6%	100,0%
+ Diện tích GK từ nguồn DVMTR giao cho hộ nhận khoán đơn vị được hưởng (rừng trồng với hệ số K=0,9)	ha	215,94	215,61	202,22	202,22	93,8%	100,0%
+ Diện tích GK RTN từ nguồn DVMTR giao cho hộ nhận khoán	ha	3.973,58	3.969,12	3.832,21	3.832,21	96,6%	100,0%
+ Diện tích GK rừng trồng từ nguồn DVMTR giao cho hộ nhận khoán	ha	215,94	215,61	202,22	202,22	93,8%	100,0%
+ Diện tích dự kiến thiết kế mới công ty tự quản lý từ nguồn DVMTR (rừng trồng với hệ số K=0,9)	ha						
4. Giá bán các sản phẩm chủ yếu							
+ Đơn giá diện tích GK trong lưu vực chi trả DVMTR	Trđ/ha	0,173	0,173	0,119	0,119	68,8%	100,0%
+ Đơn giá diện tích công ty tự quản lý nguồn DVMTR	Trđ/ha	0,681	0,681	0,783	0,783	115,0%	100,0%
+ Đơn giá diện tích công ty tự quản lý nguồn DVMTR (rừng trồng)	Trđ/ha	0,681	0,681	0,783	0,783	115,0%	100,0%
+ Đơn giá diện tích RTN GK từ nguồn DVMTR đơn vị được hưởng	Trđ/ha	0,081	0,081	0,183	0,183	225,9%	100,0%
+ Đơn giá diện tích RTN GK từ nguồn DVMTR đơn vị được hưởng (rừng trồng)	Trđ/ha	0,081	0,081	0,183	0,183	225,9%	100,0%
+ Đơn giá diện tích RTN GK từ nguồn DVMTR giao cho hộ nhận khoán được hưởng	Trđ/ha	0,600	0,600	0,600	0,600	100,0%	100,0%
+ Đơn giá diện tích rừng trồng GK từ nguồn DVMTR giao cho hộ nhận khoán được hưởng	Trđ/ha	0,600	0,600	0,600	0,600	100,0%	100,0%
+ Đơn giá diện tích công ty tự quản lý nguồn DVMTR (rừng trồng)	Trđ/ha		0,681		0,681		
B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH							
II. Kết quả kinh doanh							
I. Tổng doanh thu	Tr. Đ	5.615	5.460	5.798	5.925	106,2%	102,2%
a. Doanh thu BH&CCDV	Tr. Đ	5.232	5.225	5.613	5.613	107,4%	100,0%
Doanh thu kinh doanh gỗ rừng trồng	Tr. Đ						
Doanh thu dịch vụ khác	Tr. Đ						
Doanh thu công ích (nhà nước đặt hàng)	Tr. Đ	5.232	5.225	5.613	5.613	107,4%	100,0%
Trong đó:	Tr. Đ						
+ Doanh thu trên diện tích GK trong lưu vực chi trả DVMTR	Tr. Đ	687	687	456	456	66,4%	100,0%
+ Doanh thu trên diện tích công ty tự quản lý trong lưu vực chi trả DVMTR	Tr. Đ	1.420	1.417	1.689	1.689	119,2%	100,0%
+ Doanh thu trên diện tích công ty tự quản lý trong lưu vực chi trả DVMTR (rừng trồng)		286	286	325	325	113,6%	100,0%
+ Doanh thu trên diện tích GK RTN từ nguồn DVMTR đơn vị được hưởng	Tr. Đ	322	321	701	701	218,1%	100,0%
+ Doanh thu trên diện tích GK rừng trồng từ nguồn DVMTR đơn vị được hưởng		16	16	33	33	211,9%	100,0%

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐẠ HUOAI

(Kèm theo Văn bản số 1904 /STC-ĐT ngày 09/ 9/2022 của Sở Tài chính Lâm Đồng)



	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch 2023	So sánh U' TH 2022/ KH 2022	So sánh KH 2023/ TH 2022
			Kế hoạch	Thực hiện (ước thực hiện)			
+ Doanh thu trên diện tích GK từ nguồn DVMTR hộ nhận khoán được hưởng (rừng trồng)	Tr. Đ	117	116	109	109	93,8%	100,0%
+ Doanh thu trên diện tích GK từ nguồn DVMTR giao cho hộ nhận khoán được hưởng	Tr. Đ	2.384	2.381	2.299	2.299	96,6%	100,0%
+ Doanh thu dự kiến theo thiết kế mới trên diện tích công ty tự quản lý trong lưu vực chi trả DVMTR (rừng trồng)	Tr. Đ		0		0		
b. Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. Đ	148	100	50	130	50,0%	260,0%
c. Doanh thu khác	Tr. Đ	235	135	135	182	100,0%	134,8%
3. Lãi phát sinh	Tr. Đ						
a. Trước thuế TNDN	Tr. Đ	56	50	50	50	100,0%	100,0%
b. Sau thuế TNDN	Tr. Đ	45	40	40	40	100,0%	100,0%
III. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tr. Đ	102	70	104	70	148,6%	67,3%
1. Các loại thuế	Tr. Đ	102	70	104	70	148,6%	67,3%
- Thuế GTGT	Tr.đ	33	15	15	15	100,0%	100,0%
- Thuế TNDN	Tr.đ	11	10	10	10	100,0%	100,0%
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	Tr.đ	1	1	1	1	100,0%	100,0%
- Thuế Nhà Đất	Tr.đ	54	41	75	41	182,9%	54,7%
- Thuế Môn Bài	Tr.đ	3	3	3	3	100,0%	100,0%
2. Phí	Tr. Đ	0	0	0	0		
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	Tr. Đ	0	0	0	0		

Ghi chú:

(1) Đơn giá đặt hàng trên diện tích GK trong lưu vực chi trả DVMTR năm 2022-2023 là 119.000 đồng/ ha (= 302.000 đồng/ha - {783.000 đồng/ ha - 600.000 đồng/ha}). Trong đó, đơn giá 302.000 đồng/ ha theo Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 26/8/2022

(2) Đơn giá diện tích RTN GK từ nguồn DVMTR đơn vị được hưởng 183.000 đồng/ha (=783.000 đồng/ ha - 600.000 đồng/ha)

(3) Đơn giá giao khoán QL BVR 600.000 đồng/ha là đơn giá Chủ rừng ký hợp đồng với các hộ nhân khoán